

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

---oOo---



LICOGI 16

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

NĂM 2016



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Qui chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần LICOGI 16”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 22/7/2016.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là **Qui chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần LICOGI 16**.

Điều 2: Qui chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Qui chế quản lý tài chính 2008

Điều 3: Các Ông (Bà) trong Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phó các Phòng – Ban của Công ty Cổ phần Licogi 16, các cá nhân và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Các TV, HĐQT;
- Trưởng ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT và P.TC-KT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Bùi Dương Hùng

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Luật Kế toán và các Nghị định, văn bản hướng dẫn qui định về chế độ kế toán;
- Các Luật thuế hiện hành và các văn bản hướng dẫn khác liên quan;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Licogi 16.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

- Quy chế được áp dụng trong nội bộ Công ty Cổ phần Licogi 16 bao gồm toàn thể người lao động thuộc khối/phòng/ban trong Công ty, Chi nhánh trực thuộc và Văn phòng đại diện.
- Mọi hoạt động tài chính của Công ty đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này. Trong trường hợp Quy chế này không có các quy định tương ứng thì sẽ áp dụng các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt

- Cấp có thẩm quyền: Người theo phân cấp có quyền quyết định, kết luận và định đoạt một vấn đề nào đó.
- Kỳ kế toán: Khoảng thời gian xác định từ thời điểm Công ty bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính.
- Quy định pháp luật: Những quy tắc, chuẩn mực chung mang tính chất bắt buộc phải thi hành đối với tất cả tổ chức, cá nhân có liên quan và được ban hành bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Công ty con: Các Công ty mà Licogi 16 nắm giữ lớn hơn 50% vốn điều lệ.
- Công ty liên kết: Các Công ty mà Licogi 16 nắm giữ nhỏ hơn 50% vốn điều lệ.
- Đơn vị trực thuộc: Các Ban điều hành thi công, các Văn phòng đại diện, các Chi nhánh Công ty.
- Giấy tờ có giá: Tất cả các giấy tờ có trị giá được thành tiền và được phép giao dịch như Cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng chỉ tiền gửi, sổ tiết kiệm.

- Bất khả kháng: Được hiểu là những trường hợp khách quan hoặc/và những lý do nằm ngoài sự điều khiển, kiểm soát của con người trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT: Hội đồng Quản trị.
- BKS: Ban kiểm soát.
- TGD: Tổng giám đốc.
- Ban TGD: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các Giám đốc Khối.
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên Công ty.
- TSCĐ: Tài sản cố định.
- MMTB: Máy móc thiết bị.
- XDCCB: Xây dựng cơ bản.
- UPCOM: Thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết.

Điều 4. Mục đích quản lý tài chính

- Tăng cường công tác quản lý tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các khối/phòng/ban và các đơn vị trực thuộc trong Công ty.
- Tăng cường tinh thần trách nhiệm và nâng cao tính tích cực, chủ động của các cá nhân, khối/phòng/ban và các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý tài chính

- Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Luật Doanh Nghiệp, có các quyền và nghĩa vụ dân sự, tự chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi vốn điều lệ của mình.
- Công ty thực hiện quyền quản lý tài chính bằng việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính toàn Công ty trong việc tuân thủ các quy định của Quy chế này.
- Công ty thực hiện quản lý tài chính tập trung và chịu sự kiểm tra, giám sát của các Cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định pháp luật, của HĐQT, BKS theo quy định của Điều lệ và quy chế này.
- Mọi hành vi gây tổn thất về vốn, thiệt hại, hư hỏng về tài sản hoặc sử dụng vốn- tài sản sai mục đích, đối tượng đều phải chịu trách nhiệm vật chất trừ trường hợp bất khả kháng và các trường hợp khác do HĐQT quyết định.
- Công ty được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt.

Chương II CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Mục 1: Thù lao, lương và chi phí của HĐQT và BKS

Điều 6. HĐQT và BKS

- HĐQT và BKS hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty, quy chế hoạt động và biên bản phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên.
- ĐHĐCĐ phê duyệt thông qua khen thưởng, thù lao, lương và chi phí của HĐQT, BKS và được Công ty thanh toán đầy đủ, đồng thời cũng được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty trên nguyên tắc có khấu trừ các khoản phải trừ theo quy định của pháp luật về Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Mục 2: Quản lý và sử dụng vốn

Điều 7. Vốn của Công ty

- Vốn thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty được hình thành từ các nguồn: nguồn vốn chủ sở hữu và nợ phải trả. Trong đó, nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm vốn góp của các cổ đông (Vốn điều lệ), chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỉ giá, lợi nhuận tích lũy, các quỹ của Công ty và lợi nhuận chưa phân phối; nợ phải trả là các khoản nợ đang trong thời gian thanh toán, chưa đến hạn thanh toán bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.
- Vốn của Công ty chỉ được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Tùy theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận và theo đúng các quy định của pháp luật thông qua các hình thức:
 - Phát hành thêm cổ phiếu hoặc mua lại cổ phiếu phát hành theo quy định tại Điều lệ Công ty và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
 - Tái đầu tư một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối.
 - Chuyển các quỹ tích lũy thành vốn điều lệ.

Điều 8. Nguyên tắc quản lý và sử dụng vốn

- Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận.

- Người đại diện pháp luật là người nhận vốn và các nguồn lực khác đồng thời là người chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả về vốn và các nguồn lực được giao.
- Công ty được chủ động sử dụng toàn bộ tài sản, tiền vốn để tổ chức sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn đúng với các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Công ty được sử dụng các quỹ của Công ty khi cần thiết để phục vụ kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn nhưng phải hoàn trả khi có nhu cầu sử dụng như: Sử dụng các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.
- Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước về đầu tư và xây dựng.

Điều 9. Huy động vốn

- Ngoài số vốn hiện có theo Điều lệ, Công ty được quyền huy động mọi nguồn vốn hợp pháp bằng các hình thức như: vay vốn của các Ngân hàng và tổ chức tín dụng, các CBCNV, các cá nhân, các doanh nghiệp khác, phát hành trái phiếu các loại, nhận vốn góp liên doanh, liên kết và các hình thức khác để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, riêng việc vay vốn các tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện theo đúng quy chế quản lý vay và trả nợ vay nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước ban hành sau khi đã được DIHDCĐ hoặc HĐQT phê duyệt.
- Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành cổ phiếu: Trong trường hợp cần thiết phải huy động thêm vốn kinh doanh, Công ty được phát hành cổ phiếu để huy động vốn. Mọi thủ tục phát hành phải tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu để phục vụ cho ngành nghề kinh doanh chính/cụ thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Vốn khác: Công ty được huy động vốn góp của các doanh nghiệp và cá nhân khác tham gia góp vốn liên doanh để thực hiện dự án nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Vốn vay ngắn hạn**

- Hằng năm căn cứ vào nhu cầu vốn lưu động và hạn mức phán quyết của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT ghi trong Điều lệ, HĐQT sẽ trình/phê duyệt hạn mức vay vốn ngắn hạn trong kế hoạch sản xuất kinh doanh do TGD Công ty trình.
- Căn cứ vào hạn mức đã được duyệt, TGD Công ty đại diện ký kết hợp đồng vay vốn lưu động và tín dụng với các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, của các đối tượng khác trong và ngoài nước. Trong trường hợp vay vượt hạn mức được duyệt TGD Công ty phải báo cáo HĐQT xem xét quyết định.
- Nếu huy động vốn của CBCNV trong Công ty bằng tiền mặt, quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác để bổ sung vốn lưu động thì mức lãi suất sẽ được thoả thuận nhưng không quá 1,2 lần mức lãi suất cho vay cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với Công ty.

- **Vốn vay trung dài hạn**

- Căn cứ kế hoạch đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT phê duyệt, TGD Công ty tiến hành ký và thực hiện hợp đồng vay vốn với các Ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.
- Trong trường hợp huy động vốn của CBCNV trong Công ty bằng tiền mặt, quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác để bổ sung vốn lưu động thì mức lãi suất sẽ được thoả thuận nhưng không quá 1,2 lần mức lãi suất cho vay cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với Công ty.

- **Bảo lãnh**

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT phê duyệt, TGD Công ty xem xét ký kết hợp đồng bảo lãnh các loại theo đúng kế hoạch đảm bảo đúng theo các trình tự thủ tục đã được Ngân hàng Nhà nước quy định.
- Công ty có thể huy động CBCNV trong Công ty dùng tài sản của mình: tiền mặt, quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, giấy tờ có giá để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty hoặc bảo lãnh cho các mục đích khác nhằm củng cố phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì CBCNV sẽ được nhận phí bảo lãnh theo thoả thuận nhưng không quá 1,2 lần mức lãi suất cho vay cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với Công ty.

- **Lãi vay và phí bảo lãnh**

- Chi phí lãi vay và phí bảo lãnh thực hiện theo quy định của Nhà nước và biểu phí của ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng có quan hệ giao dịch với Công ty.
- Chi phí lãi vay và phí bảo lãnh được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty trong cùng niên độ.

- **Thẩm quyền phê duyệt**

- Đối với ĐHCĐ: Phê duyệt phương án huy động có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
- Đối với HĐQT: Phê duyệt phương án huy động có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, thẩm quyền quyết định này không áp dụng đối với các hợp đồng, các giao dịch quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- Đối với Người đại diện pháp luật: Phê duyệt phương án huy động có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, thẩm quyền quyết định này không áp dụng đối với các hợp đồng, các giao dịch quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành.

- **Trách nhiệm sử dụng và hoàn trả vốn huy động**

- Việc huy động vốn phải được tính toán, cân nhắc kỹ về hiệu quả kinh tế.
- Vốn huy động chỉ sử dụng vào mục đích kinh doanh, không dùng vào mục đích khác.
- TGD là người đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng vay vốn và chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, HĐQT về phương án vay, bảo đảm sử dụng vốn huy động phải đúng mục đích và hoàn trả vốn và lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng huy động vốn.

Điều 10. Cho vay nội bộ

- **Cho vay ngắn hạn**

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc thực tế tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết, CBCNV trong công ty. HĐQT phê duyệt, TGD công ty chịu trách nhiệm xem xét cho các đối tượng vay nhưng phải đảm bảo vốn lưu động đủ để triển khai kế hoạch năm của công ty.
- TGD công ty xem xét khả năng trả nợ của các đối tượng vay để quyết định kỳ hạn vay nhưng kỳ hạn tối đa chỉ đến 03 tháng đối với mỗi khoản vay. Tại thời điểm cho vay, việc cho vay phải đảm bảo các điều kiện:

- (i) Đối với đơn vị nhận vốn vay: Tổng dư nợ các khoản vay từ Công ty không vượt quá 10% tổng tài sản của đơn vị nhận vốn vay;

- (ii) Đối với Công ty: Tổng các khoản cho vay ngắn hạn nội bộ không vượt quá 10% tổng tài sản và từng khoản cho vay không vượt quá 15% tổng nợ vay của Công ty.

• **Bảo lãnh vay vốn**

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc thực tế tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết. HĐQT phê duyệt, TGD công ty xem xét khả năng và quyết định bảo lãnh cho đơn vị: Vay vốn, dự thầu, tạm ứng, thực hiện hợp đồng, bảo hành

• **Lãi suất cho vay và phí bảo lãnh**

- Lãi suất cho vay vốn và phí bảo lãnh thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, được hạch toán tăng thu nhập tài chính và hạch toán tăng/giảm công nợ nội bộ của các đơn vị theo quy định.
- Lãi suất cho vay sẽ được tính trên cơ sở lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng có quan hệ giao dịch với Công ty theo từng thời điểm. Phí bảo lãnh sẽ được tính trên cơ sở phí bảo lãnh quy định tại thời điểm của Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng có quan hệ giao dịch với Công ty.

• **Trách nhiệm thu hồi vốn vay**

- Đối với các công ty con, công ty liên kết: Việc cho vay vốn phải được tính toán, cân nhắc kỹ về hiệu quả kinh tế, vốn cho các đơn vị vay chỉ sử dụng vào mục đích kinh doanh, không dùng vào mục đích khác.
- Vốn cho vay phải được quản lý chặt chẽ, đảm bảo có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi theo đúng cam kết khi cho vay vốn.
- Đối với CBCNV trong công ty: Việc cho vay phải được cân nhắc theo các mục đích cụ thể như cho vay mua cổ phần phát hành thêm, cho vay hỗ trợ khó khăn ...
- TGD Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT về các khoản vốn cho vay, thu nợ gốc, lãi và phải kiểm soát sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 11. Quản lý các khoản nợ phải trả

- Giám đốc Tài chính phối hợp với Kế toán trưởng thực hiện:
 - (i) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả lãi phải trả (nếu có).
 - (ii) Thanh toán các khoản nợ phải trả theo thời hạn cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ đồng thời báo cáo Ban TGD để có giải pháp khắc phục kịp thời, tránh không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

- TGD chịu trách nhiệm toàn bộ về các nghĩa vụ nợ phải trả phát sinh trong Công ty. Việc sử dụng các nguồn vốn này phải đảm bảo nguyên tắc: chiếm dụng hợp lý, trả nợ theo đúng các điều khoản đã cam kết.
- Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ phải trả trong năm đó.
- Hạn chế việc ứng trước tiền cho người cung cấp. Người quyết định phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 12. Bảo toàn và phát triển vốn

- Được sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn. Trường hợp sử dụng vốn và quỹ khác với mục đích quy định của vốn và quỹ đó thì phải theo nguyên tắc hoàn trả. Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước và theo quy định của Quy chế này;
- Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;
- Xử lý kịp thời tài sản tổn thất theo quy định tại Điều 26, các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này và trích lập dự phòng các khoản rủi ro như sau:
 - (i) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho bị kém, mất phẩm chất hoặc không bán/sử dụng được.
 - (ii) Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi: là dự phòng giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó đòi quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng nợ không có khả năng thanh toán, nợ phải thu đã có quyết định xử lý của Tòa án, đồng thời phải phân loại công nợ khó đòi theo thời gian để có mức trích lập phù hợp.
 - (iii) Dự phòng các khoản đầu tư tài chính: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá; giá trị các khoản đầu tư tài chính bị tổn thất do tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

- (iv) Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp: là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp đã bán hoặc bàn giao cho người mua nhưng Công ty vẫn có nghĩa vụ tiếp tục phải sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.
 - (v) Các khoản dự phòng trên được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập, sử dụng các khoản dự phòng này và phương pháp xác định mức độ bảo toàn vốn theo hướng dẫn và quy định của Nhà nước.
 - (vi) Việc chuyển lỗ thực hiện theo quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty có trách nhiệm mở sổ sách kế toán theo dõi chính xác toàn bộ tài sản, tiền vốn đơn vị quản lý và sử dụng theo đúng quy định của chế độ hạch toán kế toán, thống kê hiện hành, phản ánh kịp thời tình hình sử dụng, biến động về tài sản, vốn. Thường xuyên kiểm tra đối chiếu công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý thích hợp.

Điều 13. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

- Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty. Riêng việc sử dụng quyền sử dụng đất để đầu tư ra ngoài Công ty phải thực hiện theo quy định của Luật đất đai.
- Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật, phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không gây bất lợi cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty và Công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ không được góp vốn cùng để thành lập doanh nghiệp mới.
- Công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS, các thành viên Ban TGD và Kế toán trưởng.
- Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty gồm:
 - (i) Mua công trái, trái phiếu, cổ phiếu để hưởng lãi;
 - (ii) Liên doanh, liên kết, mua cổ phần hoặc cho vay, góp vốn cổ phần với doanh nghiệp khác; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- (iii) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các Công ty cổ phần, Công ty TNHH, Công ty liên doanh, Công ty hợp danh và mua lại Công ty khác (M&A);
 - (iv) Các hình thức đầu tư khác không trái quy định pháp luật.
- Thẩm quyền quyết định đầu tư ra ngoài Công ty:
- (i) Nếu dự án đầu tư ra ngoài có số vốn đầu tư bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty phải được ĐHĐCĐ thông qua.
 - (ii) HĐQT phê duyệt phương án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty. HĐQT phê duyệt phương án trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch HĐQT.
 - (iii) Người đại diện pháp luật của Công ty quyết định đối với dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị từ 5% vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ra quyết định trở xuống trên cơ sở tờ trình của Ban TGD công ty.

Điều 14. Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty

- Việc nhượng bán các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật.
- Phương thức chuyển nhượng:
 - (i) Công ty thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các cam kết tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh của các bên.
 - (ii) Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM thì Công ty được chủ động thực hiện theo các phương thức khớp lệnh, đấu giá, thỏa thuận hoặc chào bán cạnh tranh nhưng không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán.
 - (iii) Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết thì Công ty thực hiện đấu giá trên nguyên tắc công khai hoặc bán thỏa thuận theo nguyên tắc minh bạch, bảo toàn vốn.
 - (iv) Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư được thực hiện đấu giá thông qua tổ chức trung gian theo quy định hiện hành hoặc tự tổ chức đấu giá tại Công ty.
 - (v) Việc bán thỏa thuận được thực hiện phải đảm bảo giá bán sát với giá trị trường tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán căn cứ vào báo giá của ít nhất 03 công ty chứng khoán có thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty

cổ phần có vốn góp của Công ty, trường hợp không có giao dịch thì giá bán không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

- HĐQT, HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình theo quy định của pháp luật. Giá chuyển nhượng các khoản đầu tư theo nguyên tắc giá thị trường nhưng không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của Công ty.

Mục 3: Quản lý và sử dụng tài sản

Điều 15. Tài sản của Công ty

- Tài sản Công ty được hình thành từ vốn góp của các cổ đông, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Công ty trực tiếp quản lý và sử dụng. Tài sản Công ty bao gồm:
 - (i) Tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác và tài sản ngắn hạn của Công ty.
 - (ii) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm: vốn Công ty đầu tư vào Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty là chủ sở hữu; vốn góp trong các công ty cổ phần, công ty liên doanh và các doanh nghiệp khác; vốn góp trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh; các khoản đầu tư trái phiếu, tín phiếu dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Điều 16. Quản lý tài sản cố định và Đầu tư tài sản cố định

- Tài sản cố định của Công ty được xác định theo tiêu chí quy định của Bộ Tài chính, bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình tài sản cố định thuê mua tài chính.
 - (i) Tài sản cố định hữu hình là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất (từng đơn vị tài sản độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định) thỏa mãn các tiêu chuẩn tài sản cố định hữu hình, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như: nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, ...

- (ii) Tài sản cố định vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định vô hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh như một số chi phí liên quan trực tiếp tới sử dụng dài dai, chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế, quyền tác giả, thương hiệu sản phẩm, ...
 - (iii) Tài sản cố định thuê tài chính là những TSCĐ mà Công ty thuê của công ty cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính.
- Tài sản cố định được quản lý và hạch toán tập trung tại Công ty và các đơn vị trực thuộc được giao quản lý, sử dụng và bảo quản.
 - Mọi tài sản cố định phải có hồ sơ riêng (bộ hồ sơ: Biên bản giao nhận tài sản, Hợp đồng, Hóa đơn mua tài sản, thẻ theo dõi tài sản và các chứng từ khác có liên quan), tài sản cố định phải được phân loại, thống kê, đánh số (mã số), được theo dõi trên sổ sách kế toán chi tiết từng đối tượng ghi tài sản cố định.
 - Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định sau:
 - (i) HĐQT quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty. Các phương án lớn hơn mức thuộc thẩm quyền HĐQT thì lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc được ĐHĐCĐ thông qua.
 - (ii) Người đại diện pháp luật của Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo kế hoạch đã được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ phê duyệt có giá trị từ 5% vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm ra quyết định trở xuống.
 - (iv) Người đại diện pháp luật của Công ty có thể phân cấp cho TGD (trường hợp TGD không phải là Người đại diện pháp luật) quyết định các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền của mình nhưng phải chịu trách nhiệm về sự phân cấp này.
 - Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định:
 - (i) Những tài sản cố định là máy móc thiết bị chính trong hoạt động của Công ty phải thực hiện đấu thầu hoặc chọn thầu. Việc đấu thầu hay chọn thầu thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

- (ii) Những tài sản cố định không phải thực hiện mua sắm theo phương thức đấu thầu thì phải thực hiện chào giá cạnh tranh; phải có ít nhất 03 (ba) báo giá của 03 (ba) nhà cung cấp độc lập để lựa chọn.
 - (iii) Đối với những tài sản cố định phải đầu tư qua xây dựng cơ bản thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.
 - (iv) Bộ phận nghiệp vụ của Công ty lựa chọn nhà cung cấp, số lượng, chất lượng, uy tín, giá cả, phương thức thanh toán ... để TGD xem xét quyết định hoặc trình HĐQT quyết định theo thẩm quyền phê duyệt.
 - (v) Ký kết hợp đồng kinh tế để thực hiện mua sắm tài sản cố định.
- Trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản:
- (i) Các bộ phận thuộc văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc được giao quyền quản lý và sử dụng tài sản của Công ty. Giám đốc các bộ phận và Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trước TGD Công ty về việc sử dụng có hiệu quả và bảo đảm an toàn cho các tài sản thuộc phạm vi quản lý của mình. Không được tự ý di chuyển, tháo dỡ, thay đổi thiết kế kỹ thuật ban đầu khi chưa được sự chấp thuận của TGD.
 - (ii) Đối với máy móc thiết bị trong hoạt động kinh doanh của Công ty, người được giao vận hành sử dụng máy phải là người đủ trình độ chuyên môn kỹ thuật được đào tạo bài bản. Cá nhân không đủ chuyên môn kỹ thuật tự ý sử dụng gây hỏng máy móc thiết bị phải bồi thường thiệt hại. Trường hợp hỏng hóc do phân công lao động sai thì người ra quyết định sai phải bồi thường. Phải thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên.
 - (iii) Máy móc thiết bị đang trong thời gian bảo hành, mọi sự cố trong thời gian bảo hành phải do nhà cung cấp chịu trách nhiệm sửa chữa (Theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng kinh tế)
 - (iv) Đối với các thiết bị, phương tiện có quy định về thời gian hoạt động phải thực hiện đúng quy định. Các bộ phận, các đơn vị sử dụng tài sản phải chủ động lập hồ sơ, thủ tục xin cấp phép bổ sung hoặc đề nghị thanh lý gửi Công ty để xử lý kịp thời. Bộ phận hoặc đơn vị không chấp hành nghiêm túc quy định để xảy ra tổn thất về người và tài sản thì Giám đốc bộ phận, Trưởng đơn vị trực thuộc phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Trường hợp nghiêm trọng có thể bị truy tố trước pháp luật.
 - (v) Không được sử dụng tài sản cố định của Công ty cho mục đích cá nhân, không tự ý di chuyển tài sản cố định giữa các phòng ban, giữa các đơn vị trực thuộc.

Việc điều chuyển tài sản cố định do TGD Công ty quyết định theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- (vi) Văn phòng Công ty, các đơn vị trực thuộc phải xây dựng quy trình sử dụng máy móc thiết bị và các quy định về sử dụng, bảo quản máy móc thiết bị, hướng dẫn, phổ biến đến từng CBCNV, dán tại nơi máy móc thiết bị để lưu ý hằng ngày, hằng giờ.

Điều 17. Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

- Bộ phận nghiệp vụ của Công ty về đầu tư chịu trách nhiệm lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch đầu tư hàng năm theo định hướng phát triển Công ty và nêu rõ lý do đầu tư, hiệu quả đầu tư, nguồn vốn đầu tư, thời gian thu hồi vốn, kế hoạch vay vốn, trả nợ (nếu là vốn vay) để trình TGD duyệt trong năm tài chính.
- TGD quyết định việc đầu tư XDCB hoặc trình các cấp có thẩm quyền cao hơn quyết định đầu tư.
- Khi kết thúc đầu tư, Bộ phận nghiệp vụ của Công ty về đầu tư hoặc đơn vị trực thuộc có dự án đầu tư phải lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư trong thời gian sớm nhất.
- Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ chi phí theo đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết và thiết kế dự toán được duyệt, bảo đảm đúng quy chuẩn, định mức, đơn giá, chế độ tài chính - kế toán và những quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan, vốn đầu tư được quyết toán trong giới hạn tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có).

Điều 18. Khấu hao tài sản cố định

- Khấu hao tài sản cố định: là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian sử dụng của tài sản cố định.
- Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty (gồm cả tài sản cố định chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Ngoại trừ những tài sản cố định thuộc công trình quỹ phúc lợi công cộng như nhà trẻ, câu lạc bộ, nhà ăn, nhà ở, nhà khách và tài sản cố định khác được đầu tư bằng quỹ phúc lợi. Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng vào hoạt động kinh doanh thì không được tính khấu hao.

- Đối với khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh thì hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh; đối với khấu hao tài sản chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý thì hạch toán vào chi phí khác.
- Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hỏng, mất mát, Công ty phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm đền bù, bồi thường thiệt hại ... và tính vào chi phí khác.
- Bộ phận nghiệp vụ của Công ty về Tài chính - Kế toán phối hợp với bộ phận nghiệp vụ của Công ty về đầu tư lựa chọn các phương pháp và mức trích khấu hao cụ thể, phù hợp với từng loại tài sản cố định của Công ty để đăng ký với cơ quan thuế trực tiếp quản lý đồng thời xác định mức trích khấu hao tài sản cố định hàng năm trình TGH phê duyệt, đó là căn cứ để hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm tài chính.
- Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đã đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán, căn cứ vào số liệu kế toán, Công ty ghi tăng giá trị tài sản theo giá trị tạm tính để trích khấu hao thu hồi vốn. Sau khi quyết toán công trình được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá.
- Đối với những tài sản cố định cho thuê, cầm cố thế chấp đều phải trích khấu hao và theo dõi, thu hồi tài sản.

Điều 19. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

- Công ty được quyền cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty (bao gồm cả tài sản của các đơn vị trực thuộc, trừ những tài sản đi thuê, đi mượn, giữ hộ, nhận thế chấp) để tái đầu tư, đổi mới công nghệ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn phải theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.
- Những tài sản đi thuê, đi mượn nếu được bên cho thuê, cho mượn đồng ý thì Công ty có thể cho thuê lại theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, bảo đảm các thủ tục theo pháp luật. Việc sử dụng các tài sản cho thuê, cầm cố, thế chấp phải tuân thủ theo đúng quy định của bộ luật dân sự và các quy định khác của Nhà nước.
- TGH tổ chức thực hiện phương án cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản sau khi được HĐQT phê duyệt và ủy quyền.
- Thẩm quyền quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định như sau:

- (i) ĐHĐCĐ quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản của Công ty phản ánh trên báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.
 - (ii) HĐQT quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty phản ánh trên báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.
 - (iii) Người đại diện pháp luật của Công ty quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị đến 5% tổng giá trị tài sản của Công ty phản ánh trên báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.
- Nghiêm cấm các trường hợp tự ý cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 20. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

- Công ty được chủ động nhượng bán tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty khi không cần dùng, lạc hậu về kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn hoặc để tái đầu tư, để thu hồi vốn, đổi mới công nghệ (trừ những tài sản di thuê, di mượn, giữ hộ hoặc nhận thế chấp).
- Công ty được thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất; tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi và không thể nhượng bán nguyên trạng.
- Tài sản thanh lý và nhượng bán quy định tại các điểm trên của Điều này, phải được Hội đồng thanh lý của Công ty đánh giá và xác định thực trạng những tài sản đề nghị thanh lý, nhượng bán và phê duyệt các phương án thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Thẩm quyền quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định như sau:
 - (i) ĐHĐCĐ quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại trên 35% tổng giá trị tài sản của Công ty phản ánh trên báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.
 - (ii) HĐQT quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty phản ánh trên báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.
 - (iii) HĐQT ủy quyền cho TGD Công ty quyết định việc thanh lý và nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại đến 01 (một) tỷ đồng.
- Khi nhượng bán, thanh lý tài sản, Công ty phải lập Hội đồng đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật, thẩm định giá trị tài sản. Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông

qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

- Hội đồng nhượng bán, thanh lý tài sản bao gồm: TGD, Kế toán trưởng và các cán bộ, nhân viên có liên quan.
- Khoản chênh lệch giữa giá trị thu được khi thanh lý tài sản với giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý (nếu có) được hạch toán vào kết quả kinh doanh (thu nhập khác hoặc chi phí khác) của Công ty.
- Nghiêm cấm các trường hợp tự ý thanh lý, nhượng bán tài sản khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 21. Quản lý hàng tồn kho

- Hàng tồn kho là hàng hoá mua: nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm xây lắp dở dang trong quá trình thi công, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán và hàng hóa tại kho người bán chưa nhận về kho.
- Công ty được quyền chủ động và có trách nhiệm kiểm tra, xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này.
- Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Điều 22. Quản lý các khoản nợ phải thu

- Phòng Kế toán Công ty phải mở sổ theo dõi các khoản công nợ và thường xuyên phân loại các khoản nợ, áp dụng các biện pháp cần thiết phù hợp với quy định pháp luật để thu hồi các khoản nợ đến hạn phải thu.
- Đối với các khoản nợ xác định khó đòi hoặc đã quá hạn một năm trở lên thì phải trích lập dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính.
- Đối với các khoản nợ khó đòi Công ty phải lập biên bản để bảo toàn vốn theo Điều 27 của quy chế này.
- Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi Công ty phải lập hội đồng xử lý để xác định rõ số tiền không có khả năng thu hồi, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và kiến nghị biện pháp xử lý, kiến nghị mức bồi thường của người có lỗi và báo cáo HĐQT quyết định xử lý trong năm tài chính.

- Các khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không có khả năng đòi được, sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền được hạch toán vào kết quả kinh doanh và phải tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán đồng thời thường xuyên đôn đốc để thu hồi. Số tiền thu được sau khi trừ chi phí thu nợ, được hạch toán vào thu nhập khác của Công ty; khoản chênh lệch giữa thiệt hại và bồi thường của đương sự nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty, nếu quỹ dự phòng tài chính của Công ty không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ.
- TGD Công ty phải chịu trách nhiệm trước HĐQT và các cổ đông về các khoản nợ phải thu của Công ty.

- **Công nợ phải thu khách hàng**

- Đặc thù của ngành xây lắp chủ yếu áp dụng hình thức thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế bao gồm tiền ứng trước và tiền thanh toán theo khối lượng đã được nghiệm thu, hoàn thành của từng đợt trên cơ sở đầy đủ hồ sơ theo quy định.
- Trường hợp khối lượng thi công vượt giá trị hợp đồng đã ký kết thì phải lập phụ lục hợp đồng cho phần giá trị vượt đó trên cơ sở các biên bản thỏa thuận, xác nhận của Chủ đầu tư, nhưng thời hạn thanh toán không được vượt quá thời hạn quy định trong hợp đồng gốc cho từng đợt nghiệm thu khối lượng hoàn thành và phải thể hiện rõ ràng, cụ thể trong phụ lục hợp đồng.
- Đối với trường hợp cho thuê MMTB thi công; thực hiện thu tiền tạm ứng trước hay ký quỹ mới được đưa MMTB đến nơi cho thuê. TGD Công ty được quyền cho chậm thanh toán tối đa 30% giá trị hợp đồng với thời hạn tối đa là 05 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn, thời hạn thanh toán phải được thể hiện rõ trong hợp đồng. Số tiền tạm ứng hay ký quỹ sẽ được căn trừ vào giá trị thanh lý của hợp đồng.
- Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của Pháp luật, và các quy chế, quy định khác của Công ty.
- Thực hiện việc thu công nợ chủ yếu bằng chuyển khoản, nếu là tiền mặt thì kế toán phải trực tiếp thu tiền của khách hàng. Cứ 06 tháng một lần, kế toán phải đối chiếu công nợ với khách hàng, khi đối chiếu phải lập biên bản đối chiếu công nợ. Biên bản lập phải bảo đảm tính pháp lý, diễn giải số liệu rõ ràng.

- **Đối với công nợ tạm ứng**

- Công ty chỉ được phép cho CBCNV và các đơn vị trực thuộc trong công ty tạm ứng tiền nhằm giải quyết các công việc phát sinh thường xuyên hoặc giải quyết một vụ việc cụ thể nào đó để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với khoản tạm ứng mang tính chất thường xuyên như: chi phí nhiên liệu cho xe, vé cầu đường, phà, chi phí điện, nước, hoa tươi, trà nước tiếp khách, văn phòng phẩm ... Định kỳ hoặc sau khi có chứng từ các khoản chi thực tế đã phát sinh thì tiến hành hoàn tạm ứng số tiền đã chi.
- Đối với khoản tạm ứng cho một công việc cụ thể, căn cứ dự toán được duyệt hoặc từng công việc phát sinh đã được cấp có thẩm quyền đồng ý. Sau khi công việc đã hoàn tất, chậm nhất là 05 ngày làm việc phải làm thủ tục thanh quyết toán tạm ứng.
- Kế toán quản lý công nợ tạm ứng có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đôn đốc thanh toán các khoản công nợ tạm ứng. Các đối tượng có biểu hiện dấy đưa công nợ thì phải giải quyết dứt điểm công nợ cũ mới được tiếp tục tạm ứng mới. Trường hợp dấy đưa công nợ quá 01 tháng kế toán phải báo cáo cấp có thẩm quyền, nếu quá 45 ngày phải đề xuất biện pháp xử lý nợ lên cấp có thẩm quyền.
- Trường hợp phát hiện người tạm ứng chiếm đoạt tiền tạm ứng, Phòng Kế toán phải báo báo ngay cho cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

Điều 23. Quản lý vốn bằng tiền

- Vốn bằng tiền của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.
 - *Đối với tiền mặt tại quỹ*
- Thủ quỹ tại văn phòng Công ty và tại các đơn vị trực thuộc là người trực tiếp chịu trách nhiệm vật chất về việc quản lý tiền mặt tồn quỹ. Thủ quỹ chịu trách nhiệm trước Kế toán trưởng, TGD và trước pháp luật về quản lý tiền mặt tại quỹ (bao gồm tiền mặt là tiền đồng Việt Nam, tiền ngoại tệ và các chứng từ/giấy tờ có giá trị như tiền).
- Mọi khoản tiền qua quỹ đều phải lập phiếu thu, phiếu chi và chữ ký của cấp có thẩm quyền. Nghiêm cấm dưới mọi hình thức hành vi thủ quỹ chi tiền mà chưa lập phiếu chi.
- Định kỳ mỗi tháng một lần hoặc đột xuất phải tiến hành lập biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt, biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt phải được lưu giữ trong chứng từ kế toán của văn phòng Công ty và tại đơn vị trực thuộc.
- Tồn quỹ tiền mặt:
 - (i) Để đảm bảo an toàn cho quỹ và hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền, Kế toán trưởng Công ty cần tính toán nhu cầu sử dụng tiền mặt hàng ngày để xác định mức tồn quỹ tiền mặt hợp lý nhất.
 - (ii) Đối với văn phòng: tiền mặt tồn quỹ không quá 20 (hai mươi) triệu đồng.

(iii) Đối với các đơn vị trực thuộc: tiền mặt tồn quỹ không quá 05 (năm) triệu đồng.

• **Đối với tiền gửi Ngân hàng**

- Mọi khoản tiền thu chi qua ngân hàng phải được thực hiện đúng các quy định của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có mở tài khoản thanh toán. Nghiêm cấm việc sử dụng tài khoản của Công ty cho các tổ chức, cá nhân khác gửi vào, rút ra không nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kế toán Ngân hàng tại văn phòng Công ty phải thường xuyên đối chiếu với Ngân hàng. Kịp thời phát hiện các trường hợp chuyển tiền đi, tiền đến bị nhầm lẫn và thông báo cho Ngân hàng để có chỉnh lý kịp thời.
- Hằng ngày, kế toán Ngân hàng báo cáo Kế toán trưởng số tiền gửi Ngân hàng hiện có để Kế toán trưởng trình TGD phương án cân đối nguồn tiền sử dụng. Tránh tình trạng để tiền nhàn rỗi mà phải chịu lãi vay ngân hàng.
- Cuối mỗi tháng, kế toán Ngân hàng phải thực hiện đối chiếu, xác nhận số dư tiền gửi Ngân hàng hiện còn trên tài khoản (bao gồm cả tiền Việt Nam và tiền ngoại tệ) theo từng Ngân hàng, giấy xác nhận này phải được lưu đầy đủ trong chứng từ kế toán của Công ty.
- Quản lý và theo dõi các khoản thu, chi tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ: kế toán tiền gửi Ngân hàng phải mở sổ theo dõi chi tiết từng nghiệp vụ phát sinh theo từng loại nguyên tệ và theo từng Ngân hàng. Với mỗi loại nguyên tệ phải mở một sổ chi tiết hoặc một phần sổ chi tiết theo dõi riêng. Tuyệt đối không theo dõi lẫn lộn các loại nguyên tệ với nhau. Việc hạch toán nghiệp vụ ngoại tệ phát sinh và chênh lệch tỉ giá hối đoái phải thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 10 và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiền gửi Ngân hàng tại các đơn vị trực thuộc phải báo cáo cho Kế toán trưởng theo quy định của Công ty. Sau khi cân đối nguồn tiền của các đơn vị trực thuộc, Kế toán trưởng đề xuất với TGD về việc chuyển tiền về Công ty hoặc chuyển tiền từ đơn vị trực thuộc này sang đơn vị trực thuộc khác (nếu cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty).

Điều 24. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

- Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng, đánh giá chất lượng giá trị tài sản (bao gồm tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả trong các trường hợp sau:
 - (i) Cuối kỳ kế toán năm trước khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm;

- (ii) Thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản hoặc bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp;
 - (iii) Xây ra hỏa hoạn, thiên tai, dịch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản lớn của công ty;
 - (iv) Đánh giá tài sản theo quyết định của HĐQT hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Công ty được đánh giá lại tài sản theo sự chỉ đạo của HĐQT và hạch toán tăng giảm khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành trong các trường hợp sau:
 - (i) Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
 - (ii) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài công ty hoặc thu hồi tài sản khi liên doanh chấm dứt hoạt động;
 - (iii) Thực hiện đa dạng hóa hình thức sở hữu, chuyển đổi sở hữu.
 - (iv) Thanh lý, nhượng bán tài sản.
 - Khi thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản, TGD ra quyết định thành lập Hội đồng. Thành phần Hội đồng bắt buộc phải có: TGD và Kế toán trưởng.
 - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê, nếu có sự chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ sách kế toán, thì phải xác định nguyên nhân, phản ánh số chênh lệch và kết quả xử lý vào sổ sách trước khi lập báo cáo tài chính.
 - Việc kiểm kê phải phản ánh đúng thực tế tài sản, nguồn hình thành tài sản. Người lập và người ký báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê.

Điều 25. Xử lý tài sản thừa, thiếu sau kiểm kê, đánh giá lại

- Đối với tài sản thừa, thiếu sau khi kiểm kê cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.
- Việc đánh giá lại tài sản và xử lý hạch toán đối với khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể.
- Việc kiểm kê, đánh giá phải theo đúng quy định của pháp luật và hạch toán tăng hoặc giảm vốn theo kết quả đánh giá được HĐQT phê duyệt.

Điều 26. Xử lý tổn thất tài sản

- Khi xảy ra tổn thất tài sản (hur hỏng, làm giảm giá trị tài sản, mất) Công ty phải thành lập Hội đồng xử lý để xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, lập phương án xử lý báo cáo TGD và tiến hành xử lý như sau:
 - (i) Đối với trường hợp tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể và cá nhân thì Công ty phải xác định mức độ trách nhiệm của từng đương sự để buộc đền bù thiệt hại: người gây ra tổn thất phải bồi thường từ 20% đến 100% giá trị tổn thất. Trường hợp phức tạp, Công ty không xử lý được thì báo cáo HĐQT xem xét quyết định.
 - (ii) Tài sản đã mua bảo hiểm nếu xảy ra tổn thất thì xử lý theo Hợp đồng bảo hiểm.
 - (iii) Đối với những tổn thất đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân khách quan gây ra Công ty không thể khắc phục được thì báo cáo HĐQT xử lý hoặc trình DHDCĐ quyết định (theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty).
 - (iv) Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty (Điều 32 quy chế này). Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ.

Điều 27. Xử lý nợ không thu hồi được

- Hội đồng xử lý nợ khó thu hồi hoặc không thu hồi được do TGD làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên có liên quan đến từng đợt xử lý nợ. Hội đồng xử lý nợ phải xác định rõ nguyên nhân từng khoản thất thu và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp với chế độ quy định hiện hành.
- Nếu khoản nợ không thu hồi được do lỗi chủ quan của tập thể, cá nhân gây ra thì người phạm lỗi phải bồi thường. Mức độ bồi thường đến 100% giá trị thiệt hại do TGD quyết định.
- Khoản chênh lệch giữa thiệt hại và bồi thường của đương sự nếu thiếu thì được bù đắp từ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trường hợp khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi không đủ thì phần thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính. Nếu vẫn còn thiếu thì hạch toán vào chi phí khác trong kỳ. Trường hợp xác định được khách nợ có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Nếu khoản nợ không thu hồi được do nguyên nhân khách quan có đủ điều kiện để xử lý xóa nợ theo quy định hiện hành thì sẽ xử lý xóa nợ. Việc xóa nợ do TGD quyết định sau khi đã có báo cáo và được HĐQT chấp thuận. Các khoản nợ khi đã có quyết định xóa nợ, Công ty vẫn phải theo dõi ở tài khoản ngoài bảng trong thời hạn tối thiểu là 05 (năm) năm và tiếp tục đòi nợ khi có điều kiện.

Chương III

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ và KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều 28. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập hợp pháp khác.
 - Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Công ty. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung ứng dịch vụ ... sau khi trừ (-) các khoản giảm giá hàng hoá, hàng bán bị trả lại (có chứng từ hợp lệ), được khách hàng chấp nhận thanh toán (không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền).
 - Doanh thu từ các hoạt động tài chính bao gồm: các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền; cho thuê tài sản của Công ty; tiền lãi từ việc cho vay vốn; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty.
 - Thu nhập khác: là các khoản thu từ hoạt động không thường xuyên theo chế độ quy định hiện hành như: thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nhưng chủ nợ không còn, thu từ việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.
- Toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán hiện hành.
- Doanh thu và thu nhập khác để xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 29. Chi phí hoạt động kinh doanh

- Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Chi phí hoạt động kinh doanh gồm một số nội dung sau:
 - *Chi phí sản xuất kinh doanh*
- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động được phân bổ vào chi phí theo quy định hiện hành.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
- Chi phí sửa chữa TSCĐ là chi phí thực tế cho công việc sửa chữa nhằm khôi phục năng lực và tính năng kỹ thuật của TSCĐ theo trạng thái ban đầu của tài sản. Trong quá trình sửa chữa TSCĐ có thể thay thế thiết bị, phụ tùng hoặc bộ phận tài sản đảm bảo phù hợp với công nghệ hiện tại và đáp ứng yêu cầu. Trường hợp phát sinh các chi phí lớn phục vụ cho công tác sửa chữa, khắc phục sự cố do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh (giảm lãi hoặc bị lỗ) thì Công ty thực hiện phân bổ khoản chi phí sửa chữa, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày phát sinh khoản chi phí.
- Chi phí xây lắp, thiết bị, đền bù, hỗ trợ đền bù, chi phí khác (xây lắp).
- Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do TGD quyết định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà Công ty phải nộp theo quy định.
- Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi liên quan đến đầu tư tài chính ra ngoài Công ty, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn...
- Chi cho công tác y tế theo quy định.
- Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh trên nguyên tắc quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác gồm:
 - (i) Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - (ii) Tiền thuê đất.

- (iii) Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động.
 - (iv) Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;
 - (v) Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do TGD quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm.
 - (vi) Chi phí cho lao động nữ.
 - (vii) Chi phí ăn ca cho người lao động.
 - (viii) Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);
 - (ix) Các chi phí khác bằng tiền theo quy định.
- Nợ phải thu không có khả năng thu hồi quy định tại Điều 26; Giá trị tài sản tổn thất thực tế theo quy định tại điều 25.
 - Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, công trình xây lắp trích lập theo quy định, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật.
 - Giá trị tổn thất sau kiểm kê sau khi bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm (nếu có).
- **Chi phí hoạt động tài chính**
 - Các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài Công ty;
 - Giá trị vốn góp được chuyển nhượng;
 - Tiền lãi phải trả do huy động vốn;
 - Chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán;
 - Chi phí cho thuê tài sản;
 - Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.
- **Chi phí khác**
 - Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản gồm cả giá trị còn lại của tài sản khi thanh lý, nhượng bán.
 - Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán.
 - Chi phí để thu tiền phạt.
 - Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng.
 - Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
 - Công ty xác định các khoản chi phí được trừ để tính thu nhập chịu thuế thực hiện theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Trong những trường hợp đặc biệt, các khoản chi không thể có hoá đơn
- Nếu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh có những khoản chi không thể có hoá đơn hợp pháp theo quy định thì bằng Quy chế này được phép chi các khoản đó phục vụ cho lợi ích của Công ty và được hạch toán vào chi phí kế toán, nhưng được loại trừ ra khỏi chi phí hợp lý để kê khai, tính thuế theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, loại chi phí này ra, trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường.
- Do mục đích quản lý và kiểm soát chi phí của Công ty, tùy theo tình hình cụ thể và mục đích của khoản chi, các khoản chi này phải đáp ứng một trong hai điều kiện sau:
 - (i) Có chứng từ hoặc tài liệu chứng minh hợp lệ về mục đích của khoản chi; hoặc
 - (ii) Được sự phê duyệt trước của cấp có thẩm quyền trong Công ty.

Điều 30. Tổ chức quản lý chi phí

- TGD phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, không ngừng phấn đấu giảm chi phí và giá thành sản phẩm để tăng lợi nhuận cho Công ty. Các biện pháp quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm là:
 - (i) TGD xây dựng đơn giá tiền lương trình HĐQT phê duyệt.
 - (ii) TGD phê duyệt, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế-kỹ thuật như định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, định mức lao động, các định mức chi phí, tỷ lệ hoa hồng môi giới, hoa hồng đại lý ... phù hợp với đặc điểm kinh tế-kỹ thuật, ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của Công ty. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho toàn thể CBCNV trong Công ty biết để thực hiện, kiểm tra và giám sát.
- Trường hợp vượt định mức được duyệt làm tăng chi phí thì phải phân tích, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, theo từng trường hợp cụ thể sẽ tiến hành xử lý theo quy định của quy chế này.
- Định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nhằm phát hiện những khâu yếu kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

Điều 31. Xử lý kinh doanh thua lỗ

- Trường hợp kinh doanh thua lỗ, TGD Công ty phải đề xuất các giải pháp cấp bách để Chủ tịch HĐQT, HĐQT xem xét quyết định hoặc trình ĐHĐCD quyết định: Chuyển một phần lỗ sang năm sau theo quy định hiện hành, đồng thời quyết định các biện pháp để khắc phục.

Chương IV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN và TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 32. Lợi nhuận thực hiện

- Lợi nhuận thực hiện là kết quả kinh doanh của Công ty sau một kỳ hoạt động. Lợi nhuận thực hiện được xác định theo công thức:
$$\text{Lợi nhuận thực hiện trong kỳ} = \text{Tổng doanh thu thuần trong kỳ} + \text{Thu nhập khác trong kỳ} - \text{Tổng chi phí tạo ra thu nhập trong kỳ}$$
- Việc xác định lợi nhuận phải tuân thủ các nguyên tắc của chế độ kế toán hiện hành.
- Lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty là tổng của lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.
- Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:
 - (i) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ phát sinh trong kỳ.
 - (ii) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 33. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

- Lợi nhuận của Công ty sau khi bù lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, được phân phối như sau:
 - (i) Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước theo luật định.
 - (ii) Lợi nhuận sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:
 - a. Bù các khoản lỗ của các năm trước đối với các khoản lỗ không được trừ vào lợi nhuận trước thuế (nếu có)

- b. Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);
- c. Phân phối lợi nhuận còn lại sau khi trừ các điểm a, b như sau:
 - ❖ Quỹ dự phòng tài chính (được trích lập không quá 5% lợi nhuận sau thuế) đến khi số dư quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp thì không trích nữa;
 - ❖ Quỹ đầu tư phát triển;
 - ❖ Quỹ khen thưởng và phúc lợi;
 - ❖ Khen thưởng và Thù lao HDQT và BKS;
 - ❖ Chia cổ tức.
- Trường hợp số dư quỹ dự phòng tài chính đã trích đủ theo quy định thì việc chuyển toàn bộ số lợi nhuận còn lại cho các Quỹ khác hoặc để lại Lợi nhuận chưa phân phối do ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở đề xuất của HĐQT.
- Căn cứ tỉ lệ trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm, trong năm Công ty có thể tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận thực hiện để sử dụng. Sau khi Báo cáo tài chính năm được ĐHĐCĐ thông qua thì Công ty được điều chỉnh số đã tạm trích các quỹ trong năm.

Điều 34. Quản lý và sử dụng các Quỹ

- ***Quỹ đầu tư phát triển***
 - Đầu tư, mở rộng và phát triển kinh doanh theo định hướng của Công ty.
 - Đổi mới, thay thế, hoàn chỉnh máy móc thiết bị dây chuyền công nghệ, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.
 - Đổi mới trang thiết bị và điều kiện làm việc cho văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.
 - Bổ sung vốn lưu động.
 - Tham gia liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
 - Việc sử dụng Quỹ này phải có phương án cụ thể, mang lại hiệu quả kinh tế và có tính khả thi.
- ***Quỹ dự phòng tài chính***
 - Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, rủi ro hoặc các khoản tổn thất đặc biệt trong quá trình sản xuất kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm nhưng không đủ bù đắp.

• **Quỹ phúc lợi**

- Dồn tư, sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung hoặc với đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận.
- Chi các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên trong toàn Công ty. Hàng năm, dùng Quỹ phúc lợi để chi tham quan - du lịch, nghỉ mát cho CBCNV trong Công ty.
- Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội (bao gồm các hoạt động từ thiện, phúc lợi xã hội công cộng, ...).
- Mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động, mức bảo hiểm theo thỏa thuận giữa Chủ tịch Công đoàn và TGD Công ty.
- Trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho CBCNV Công ty được thực hiện theo Thỏa ước lao động tập thể.
- Chi trợ cấp thăm hỏi, ma chay, cưới xin bản thân CBCNV hoặc tứ thân phụ mẫu của CBCNV.
- Chi trợ cấp thăm hỏi cho người lao động của Công ty đã nghỉ hưu, mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, xây nhà tình nghĩa, tình thương.
- TGD Công ty phối hợp với Ban chấp hành công đoàn Công ty để quản lý và sử dụng quỹ này.

• **Quỹ khen thưởng**

- Thường cuối năm hoặc thường thường kỳ cho CBCNV trong Công ty.
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài Công ty có quan hệ với Công ty đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Mức chi thưởng do TGD Công ty quyết định sau khi có ý kiến tham gia của tổ chức Công đoàn và trên cơ sở năng suất lao động, thành tích của mỗi CBCNV trong Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về quyết định của mình.
- Khi Công ty chưa thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, Công ty chưa được trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi. Trong trường hợp này, người nào quyết định trích lập các quỹ khác hoặc phân phối lợi nhuận thì người đó chịu trách nhiệm thu hồi, nếu không thu hồi được phải bồi thường.

Chương V

KẾ TOÁN – THÔNG KÊ – KIỂM TOÁN

Điều 35. Công tác kế toán và thống kê

- Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng:
 - (i) Luật Kế toán và Luật thống kê;
 - (iii) Chế độ kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo thống kê;
 - (iv) Lập và gửi báo cáo quyết toán quý, năm đúng mẫu biểu, thời hạn quy định;
 - (v) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số liệu, tài liệu. Báo cáo quyết toán tài chính năm của Công ty gồm các mẫu biểu báo cáo quyết toán tài chính doanh nghiệp ban hành theo chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành.
- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).
- Công ty mở sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
- TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm lập quyết toán năm của toàn Công ty, bao gồm cả các đơn vị trực thuộc, các Công ty con, Công ty liên kết để trình HĐQT. Công ty thực hiện chế độ kiểm soát nội bộ theo quy định nhằm phục vụ công tác điều hành cho Công ty, công bố kết quả hoạt động tài chính hàng năm của mình theo đúng quy định đối với các Công ty niêm yết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Điều 36. Lập và báo cáo tài chính

- Kế toán trưởng có nhiệm vụ và trách nhiệm tổ chức việc lập chứng từ, mẫu biểu báo cáo, ghi chép sổ sách kế toán, hạch toán kế toán và lập Báo cáo tài chính theo chế độ, chuẩn mực kế toán hiện hành và theo Quy chế tài chính này. Báo cáo kế toán hàng năm bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Thời hạn lập Báo cáo tài chính quý chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc quý, Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp có Công ty con trực thuộc thì Báo cáo tài chính hợp nhất quý được lập chậm nhất là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày kết thúc quý và Báo

cáo tài chính hợp nhất năm được lập chậm nhất là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm.

- HĐQT và BKS có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ các Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty phải được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty và chấp nhận kiểm toán đối với Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng và hàng năm của Công ty sẽ được nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật sau khi đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng và hàng năm đã được kiểm toán được quy định tại Thông tư hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 37: Kiểm tra báo cáo tài chính

- TGH và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính của Công ty.
- Báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm được kiểm tra và giám sát của BKS Công ty. Kết quả kiểm tra, giám sát sẽ được thông báo đến HĐQT, Ban TGD và trình tại ĐHĐCĐ hàng năm.

Điều 38. Kiểm toán Công ty

- ĐHĐCĐ hàng năm sẽ thông qua hoặc ủy quyền cho HĐQT chọn một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên tờ trình của HĐQT.
- Công ty phải chuẩn bị, gửi Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 06 tháng và hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc 06 tháng và năm tài chính.
- Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận về Báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho ĐHĐCĐ và HĐQT trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán phải được gửi đính kèm với Báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty.
- Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán cho Công ty có thể được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan

đến ĐHĐCĐ như những cổ đông của Công ty và có thể được mời phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 39. Công bố công khai tài chính

- *Mục đích công bố công khai tài chính*
 - Thông báo cho tập thể người lao động trong toàn Công ty biết được tình hình tài chính, hiệu quả kinh doanh của Công ty, mức thu nhập và các quyền lợi khác của họ.
 - Thông báo cho các cơ quan quản lý Nhà nước và cơ quan thuế địa phương để có căn cứ đánh giá tình hình và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - Báo cáo cho các cổ đông của Công ty biết được được tình hình tài chính, hiệu quả kinh doanh của Công ty và các quyền lợi khác của họ.
 - Là căn cứ để các nhà đầu tư, các đối tác nghiên cứu và quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty, hợp tác kinh doanh với Công ty, các chủ nợ đánh giá khả năng thanh toán của Công ty.
- *Hình thức công khai tài chính*
 - Việc công khai Báo cáo tài chính được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.
 - Báo cáo tài chính sau khi kiểm toán sẽ được báo cáo công khai trước ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
 - TGD chịu trách nhiệm giải thích, làm rõ những thắc mắc, chất vấn của các đối tượng đối với các chỉ tiêu công bố công khai.

Chương VI

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ và TRÁCH NHIỆM

CỦA HĐQT, BAN TGD TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 40. Quyền hạn của HĐQT

- HĐQT thực hiện chức năng quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.
- Nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn của Công ty.
- Phê duyệt phương án đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty, hợp đồng nhượng, bán tài sản ... vượt mức phân cấp cho TGD.

- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ (nếu có), thực hiện việc công bố, công khai thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty theo quy định.
- Kiểm tra, giám sát TGD trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các mục tiêu mà HĐQT giao cho Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT, Chủ tịch HĐQT

- Nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên HĐQT:
 - (ii) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.
 - (iii) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào.
 - (iv) Hàng năm phải báo cáo về kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty cho DHDCD.
 - (v) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Quyền hạn của Tổng giám đốc

- Có quyền điều hành cao nhất trong việc thực hiện các dự án đầu tư, các hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do HĐQT quy định. Đề nghị với HĐQT để trình Đại hội đồng Cổ đông điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT việc bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty.
- Thừa hành thực hiện các dự án đầu tư, dự án đầu tư ra ngoài Công ty, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của HĐQT. Trình HĐQT phê duyệt các dự án, phương án vượt thẩm quyền.
- Xây dựng đề trình HĐQT quyết định kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 43. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng giám đốc

- Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Công ty.
- Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào.
- Khi Công ty không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản (trong trường hợp công ty mất khả năng chi trả) thì phải báo cáo HĐQT. Đồng thời, thông báo cho các chủ nợ biết và tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
- Trường hợp vi phạm Điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. HĐQT quyết định mức bồi thường.
- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước HĐQT và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty, chịu trách nhiệm vật chất đối với những khoản thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty.
- Lập và trình HĐQT thông qua Báo cáo tài chính của Công ty. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu Báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.
- Hàng năm TGD Công ty phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của Công ty gửi HĐQT.
- Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII

CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG và KỶ LUẬT

Điều 44. Chế độ khen thưởng, kỷ luật về quản lý tài chính

- *Đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc khối và Kế toán trưởng Công ty được quy định như sau:*
- Nếu Công ty liên tục trong 03 năm liền hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo luật định, có lãi và tỷ suất lợi nhuận trên vốn năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo mức cổ tức hàng năm theo kế hoạch, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty thì TGD, Phó

Tổng Giám đốc, các Giám đốc khối và Kế toán trưởng được HĐQT xét thưởng 2%/Lợi nhuận sau thuế.

- Nếu Công ty kinh doanh bị thua lỗ thì TGD báo cáo, giải trình với HĐQT trong đó nêu rõ mức lỗ, nguyên nhân và trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối và Kế toán trưởng đồng thời đề ra phương án khắc phục.
- Tùy mức lỗ, số năm bị lỗ, nguyên nhân chủ quan gây ra lỗ và mức độ trách nhiệm cụ thể, HĐQT xem xét, xử lý trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối và Kế toán trưởng theo các hình thức sau: bồi thường, khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

• *Đối với Trưởng phó các phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty được quy định như sau:*

- Nếu các trưởng phó các phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong Công ty liên tục trong 03 năm liền hoàn thành kế hoạch, đảm bảo an toàn vốn, tiết kiệm chi phí, các trưởng phó các phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong Công ty theo đề nghị TGD, HĐQT xét thưởng 2%/Lợi nhuận sau thuế.
- Nếu các trưởng phó các phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong Công ty liên tục trong 02 năm liền không hoàn thành kế hoạch, không đảm bảo an toàn vốn, không tiết kiệm chi phí, hiệu quả thấp, các trưởng phó các phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong Công ty phải làm văn bản, tờ trình nêu rõ mức độ, nguyên nhân chủ quan-khách quan của việc không hoàn thành kế hoạch và mức độ trách nhiệm cụ thể theo các hình thức sau đây: bồi thường, khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

Điều 45. Nguồn khen thưởng

- Nguồn khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công ty.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

- Quy chế quản lý tài chính này gồm có 36 trang, 08 Chương và 46 Điều, có hiệu lực từ ngày được HĐQT Công ty Cổ phần Licogi 16 phê duyệt thông qua.
- Quy chế này được áp dụng thống nhất trong toàn Công ty Cổ phần Licogi 16, TGD chịu trách nhiệm hướng dẫn các bộ phận nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Công ty tổ chức thực hiện theo đúng Quy chế quản lý tài chính này.

- Đối với những vấn đề chưa được quy định trong quy chế này thì việc giải thích hoặc áp dụng được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật hiện hành
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp với thực tế hoặc các quy định của pháp luật có thay đổi sau khi Quy chế này ban hành thì các bộ phận nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc kịp thời phản ánh và đề xuất báo cáo với TGD để trình HĐQT sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy chế.
- Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16 do HĐQT Công ty phê duyệt và ban hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Bùi Dương Hùng